

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 79/2022/HSST

Ngày: 17/ 6 /2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Xuân Dệt**.

2. Ông **Quách Đình Hoàng**.

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Yến** - Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Nguyễn Thanh An** – Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố P, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2022/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

TRƯƠNG PHƯƠNG N; Sinh năm 1997 tại G.

Nơi cư trú: Tổ 2, phường I, thành phố P, tỉnh G.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Cha: Trương Công H, sinh năm 1969.

Mẹ: Phạm Thị N, sinh năm 1968.

Bị cáo có 04 anh chị ruột; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 14/8/2020, bị Công an thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép (hình thức phạt tiền) và đã chấp hành nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2022 đến ngày 19/3/2022, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Phương N là người có sử dụng chất ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 10/3/2022, N đón xe thô của một người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) chở đi từ nhà đến khu vực đường Phan Đình P, phường T, thành phố P tìm gặp bạn quen biết ngoài xã hội tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi chỗ bán ma túy và H cho N số điện thoại của đối tượng N (không rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy. Sau đó, N gọi cho N hỏi mua ma túy đá để sử dụng; N đồng ý và hẹn N đến khu vực đường Trần Quý C, phường Tây S, thành phố P để giao dịch. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đến điểm hẹn gặp N mua 02 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, rồi cất ma túy vào túi quần đang mặc. Sau đó, N đi bộ đến nhà nghỉ Cây S ở hẻm Trần Quý C với mục đích thuê phòng để sử dụng ma túy. Khi N vừa đi đến trước nhà nghỉ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường T phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trong túi quần của N 02 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh màu trắng (được niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, kèm sim số và 200.000 đồng.

Ngay sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N tại số 16/119 đường W, Tổ 2, phường I, thành phố P nhưng không thu giữ được vật chứng có liên quan.

Tại bản Kết luận giám định số 157/KL- KTHS ngày 16/3/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: ***“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 02 gói nilon, trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 1,0572 gam”.***

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 157/PC09 ngày 16/3/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, kèm sim số là của bị cáo N và bị cáo đã sử dụng liên lạc để mua ma túy; số tiền 200.000 đồng là tài sản

của bị cáo N, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định số 157/KL - KTHS ngày 16/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G nói trên.

Tại bản cáo trạng số 97/CT- VKS ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP.P đã truy tố đối với bị cáo Trương Phương N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Trương Phương N và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trương Phương N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Phương N mức án tù 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 157/PC09 ngày 16/3/2022 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, kèm theo sim số.

- Tuyên trả lại cho bị cáo số tiền 200.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Buộc bị cáo Trương Phương N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Trương Phương N nói lời nói sau cùng: Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Phương N tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, các tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Trương Phương N là người có sử dụng chất ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 10/3/2022, N đón xe thồ của một người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) chở đi từ nhà đến khu vực đường Phan Đình P, phường Tây S, thành phố P tìm gặp bạn quen biết ngoài xã hội tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi chỗ bán ma túy và H cho N số điện thoại của đối tượng N (không rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy. Sau đó, N gọi cho N hỏi mua ma túy đá để sử dụng; N đồng ý và hẹn N đến khu vực đường Trần Quý C, phường Tây S, thành phố P để giao dịch. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đến điểm hẹn gặp N mua 02 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, rồi cất ma túy vào túi quần đang mặc. Sau đó, N đi bộ đến nhà nghỉ Cây S ở hẻm Trần Quý C với mục đích thuê phòng để sử dụng ma túy. Khi N vừa đi đến trước nhà nghỉ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Tây S phát hiện, bắt quả tang.

Qua trưng cầu, tại Kết luận số 157/KL - KTHS ngày 16 tháng 3 năm 2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 02 (hai) gói nilon, trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại **Methamphetamine**, khối lượng 1,0572 gam”*.

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, đã được niêm phong trong 01 bì công văn ghi số 157/PC09 ngày 16/3/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

[3] Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của bị cáo là trái pháp luật, bị xã hội lên án gay gắt và pháp luật cũng trừng trị nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, nhưng chỉ vì sống buông thả không có ý thức phấn đấu rèn luyện bản thân nên bị cáo đã bất chấp tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân. Tổng trọng lượng chất ma túy mà bị cáo mua để tàng trữ là 1,0572 gam ma túy loại Methamphetamine, bị cáo với tuổi đời còn trẻ lẽ ra bị cáo phải phấn đấu tu dưỡng rèn luyện bản, nhưng bị cáo lại sớm sa ngã vì thích đua đòi, hành vi phạm tội của bị cáo đã bị bắt phạm tội quả tang. Vì vậy đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trương Phương N đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, vì vậy cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ, do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 157/PC09 ngày 16/3/2022 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, kèm theo sim số.

- Tuyên trả lại cho bị cáo số tiền 200.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

[7] Đối với đối tượng tên Nguyên mà bị cáo Trương Phương N khai là người đã bán ma túy cho N vào ngày 10/3/2022, do bị cáo N không biết rõ nhân thân, lai lịch của N; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của N nhưng do sau khi liên lạc với N mua ma túy xong, N đã xóa nên không xác định được số điện thoại của N và thông tin liên quan đến việc mua bán ma túy. Do đó, chưa có căn cứ điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau.

[8] Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Phương N.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Phương N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Phương N: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 157/PC09 ngày 16/3/2022 đã được niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh G.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, kèm theo sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo số tiền 200.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam., tuy nhiên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2022 giữa Cơ quan CSĐT công an TP. P và Chi cục thi hành án dân sự TP. P).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trương Phương N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: bị cáo Trương Phương N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 17/6/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Sở Tư pháp tỉnh G;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa